

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 4 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Hương

Ông Nguyễn Viết Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ công khai vụ án thụ lý số 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị H., sinh năm 1979; Địa chỉ: Đội 9, thôn H.C, xã H.H, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ hiện nay: Tầng 6 số 26, ngõ 399. Đường Cui Bei, quận Qianzhen, thành phố Cao Hùng, Đài Loan; “có mặt”

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Thanh T., sinh năm 1977; Địa chỉ: thôn A.T, xã N.T, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên; “vắng mặt”

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Hoàng Minh Th., sinh ngày 26 tháng 6 năm 2005; Địa chỉ: thôn A.T, xã N.T, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên; “vắng mặt”

Người giám hộ cho cháu Th.: anh Hoàng Thanh T. và chị Dương Thị H., là bố, mẹ; “anh T. vắng mặt, chị H. có mặt”

- Người làm chứng:

1. Ông Hoàng Minh T1., sinh năm 1948; “*vắng mặt*”

2. Bà Nguyễn Thị Ch., sinh năm 1954; “*vắng mặt*”

Đều địa chỉ: thôn A.T, xã N.T, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên.

2. Bà Trịnh Thị T2., sinh năm 1958; “*có mặt*”

4. Ông Dương Thanh T3., sinh năm 1956; “*vắng mặt*”

Đều địa chỉ: Đội 9, thôn H.C, xã H.H, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

5. Cháu Hoàng Thị H1., sinh năm 2002; Địa chỉ: thôn L.X, xã H.C, huyện K.Đ, tỉnh Hưng Yên “*vắng mặt*”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 01 tháng 7 năm 2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Dương Thị H. trình bày: Chị và anh Hoàng Thanh T. kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N.T, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên ngày 12 tháng 01 năm 1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh T. tại thôn A.T, xã N.T, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng chung sống đến khi chị sinh con thứ hai thì nảy sinh mâu thuẫn do không thống nhất về quan điểm sống và xây dựng kinh tế gia đình. Chị và gia đình đã nhiều lần trao đổi nhưng anh T. không thay đổi nên năm 2013 chị đi lao động tại Đài Loan để phát triển kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng không quan tâm đến nhau. Do khoảng cách địa lý và anh T. không thay đổi lối sống nên tình cảm vợ chồng không còn, chị H. đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hoàng Thị H1., sinh năm 2002 và Hoàng Minh Th. sinh ngày 26 tháng 6 năm 2005, đang sống cùng bố và ông bà nội nhưng hàng năm chị đều gửi tiền về để chăm lo các con. Cháu H1. trưởng thành và lập gia đình riêng nên chị đề nghị được nuôi cháu Th. và không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con, trường hợp cháu Th. có nguyện vọng sống cùng bố thì chị cũng nhất trí với quan điểm của con và tự nguyện đóng góp nuôi con chung hàng tháng với anh T. số tiền 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác: Chị H. xác định vợ chồng chưa có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung và không có công sức đóng góp với hai bên gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Thanh T. đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Minh Th. trình bày: Cháu sống cùng bố và ông bà nội từ năm 2013 khi mẹ, chị Dương Thị H., đi lao động tại Đài Loan và được bố cùng ông bà chăm sóc đầy đủ luôn tạo mọi điều kiện tốt nhất cho cháu phát triển. Cháu biết bố mẹ nhiều lần bất đồng quan điểm nhưng không biết nguyên nhân, nếu bố mẹ ly hôn cháu đề nghị được sống cùng bố.

Người làm chứng Hoàng Thị H1. trình bày: Bố Hoàng Thanh T. và mẹ Dương Thị H. đã có thời gian chung sống hạnh phúc, từ khi mẹ đi lao động tại Đài Loan thì thấy bố mẹ ít liên lạc với nhau, sau đó không nói chuyện quan tâm đến nhau do trong cuộc sống bố mẹ có nhiều bất đồng và xung đột với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của mẹ.

Ông Hoàng Minh T1. và bà Nguyễn Thị Ch., là bố mẹ anh Hoàng Thanh T. công nhận lời khai của chị H. về thời gian kết hôn, quá trình chung sống cùng công sức của anh chị và trình bày thời gian chung sống vợ chồng đã to tiếng xô xát do chị H. có biểu hiện không chung thủy, anh chị đã sống ly thân từ năm 2013. Vợ chồng có hai con là Hoàng Thị H1., sinh năm 2002 và Nguyễn Trường Sơn sinh ngày 26 tháng 6 năm 2005, hiện nay cháu H1. đã có gia đình riêng, cháu Th. đang ở cùng anh T. nên đề nghị Tòa án giải quyết con chung của anh chị theo nguyện vọng của cháu Th.. Anh T. đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng anh xác định để chị H. đơn phương ly hôn nên không đến Tòa án.

Ông Dương Thanh T3. và bà Trịnh Thị T2., bố mẹ chị Dương Thị H. công nhận lời khai của chị H. về thời gian kết hôn, quá trình chung sống cùng công sức của anh chị và trình bày: Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên to tiếng xô xát nên chị H. đã đi lao động tại Đài Loan từ năm 2013, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Chị H. và anh T. có hai con chung là Hoàng Thị H1., sinh năm 2002 và Hoàng Minh Th., sinh ngày 26 tháng 6 năm 2005.

Ủy ban nhân dân xã N.T cung cấp: Hoàng Thanh T. và chị Dương Thị H. đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N.T, huyện T.L ngày 12 tháng 01 năm 1997, con chung của anh chị là Hoàng Minh Th. đang sống cùng anh T. và ông bà nội tại thôn A.T, xã N.T. Thời điểm chung sống vợ chồng thường xuyên có mâu thuẫn, anh T. đã nhiều lần vi phạm pháp luật, trong đó năm 2012 về hành vi cố ý gây thương tích “với bố và gia đình.”

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị H. giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày do lối sống của anh T. nên thời gian chung sống vợ chồng thường to tiếng, xô xát. Anh chị đã không quan tâm, chăm lo đến nhau từ năm 2013 nên không còn tình cảm với nhau đề nghị

Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Chị nhất trí để anh T. tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc con là Hoàng Minh Th., sinh ngày 26/6/2005 theo nguyện vọng của con và tự nguyện đóng góp nuôi con chung hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng/tháng tính từ tháng 4 năm 2023. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung và công sức của vợ chồng.

Bà Thom trình bày chị H. và anh T. thường xuyên mâu thuẫn nên đã sống mỗi người một nơi từ năm 2013 không còn quan tâm chăm lo đến nhau nguyên nhân do không thống nhất trong xây dựng kinh tế gia đình. Anh chị không thể chung sống hạnh phúc được với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Con chung là Hoàng Thị H1. và Hoàng Minh Th., cháu H1. đã xây dựng gia đình, cháu Th. đã có thể quyết định việc sống cùng bố hay mẹ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu. Chị H. và anh T. không liên quan đến gia đình bà về kinh tế, không có công sức đóng góp gì với gia đình bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị H., cho chị H. ly hôn anh Hoàng Thanh T.. Giao anh T. nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hoàng Minh Th., sinh ngày 26/6/2005 đến khi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện của chị H. cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu Th. thành niên. Chị H. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo Giấy chứng nhận cư trú của Đài Loan, chị Dương Thị H. có thời hạn cư trú đến ngày 18 tháng 6 năm 2023 và Hộ chiếu đã có căn cứ xác định chị H. đang lao động, làm việc ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 35, và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Hoàng Thanh T. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị Hương và anh Hoàng Thanh T. kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N.T, huyện T.L ngày 12 tháng 01 năm 1997 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Lời khai của chị H. phù hợp với lời khai của người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và cung cấp của Ủy ban nhân dân xã N.T đã có căn cứ xác định quá trình chung sống anh chị thường xuyên mâu thuẫn do không tin tưởng nhau và không thống nhất trong xây dựng kinh tế gia đình. Vợ chồng đã sống mỗi người một nơi từ năm 2013, bỏ mặc không còn quan tâm chăm lo đến nhau chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do đó yêu cầu ly hôn của chị H. là phù hợp với thực trạng hôn nhân của vợ chồng nên được chấp nhận.

[3] Con chung của anh chị là Hoàng Thị H1. đã thành niên và có gia đình riêng, và Hoàng Minh Th., sinh ngày 26 tháng 6 năm 2005 gần đủ 18 tuổi, đã có cuộc sống ổn định, và có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố đồng thời chị H. đề nghị giải quyết về con chung theo nguyện vọng của con nên sẽ giao anh Hoàng Thanh T. tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th.. Quan điểm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng số tiền 2.000.000 đồng/tháng của chị H. là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Chị Dương Thị H. không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng cùng các vấn đề khác và anh Hoàng Thanh T. không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Chị Dương Thị H. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H.

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị H. ly hôn anh Hoàng Thanh T..

2. Con chung: Giao anh Hoàng Thanh T. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên là Hoàng Minh Th., sinh ngày 26 tháng 6 năm 2005.

Công nhận sự tự nguyện của chị Dương Thị H. cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với anh Hoàng Thanh T. số tiền 2.000.000 đồng/tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2023 đến khi cháu Th. thành niên; trên cơ sở lợi ích của con, anh T. có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Chị Dương Thị H. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở chị H. thực hiện quyền này; nếu chị H. lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T. có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của chị H..

Anh Hoàng Thanh T., chị Dương Thị H. hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Dương Thị H. phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0000109 ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên; chị H. còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Chị Dương Thị H. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Thanh T. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã N.T;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Trương Quang Tú